

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA BÌNH  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST*

*Ngày 24/5/2021*

*V/v tranh chấp hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH – TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lữ Văn Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Miên

2. Ông Võ Tấn Phước

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Mỹ Ghét - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Văn Hữu Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 364/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ánh T, sinh năm 1979

*Địa chỉ:* ấp Minh H, xã Vĩnh B, huyện Hòa B, tỉnh BL

*Bị đơn:* Anh Quách Văn Q, sinh 1978

*Địa chỉ:* ấp Minh H, xã Vĩnh B, huyện Hòa B, tỉnh BL

*(Chị T xin vắng mặt; anh Q vắng mặt không lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2020, các lời khai tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình nguyên đơn – chị Trần Thị Ánh T trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị và anh Quách Văn Q tự nguyện chung sống vào năm 2006 và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh B, huyện Hòa B, tỉnh BL vào ngày 29/10/2014. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do khi đó, chị bị bệnh phụ nữ, bác sĩ khuyên nên hạn chế tối đa việc quan hệ vợ chồng; thực hiện theo lời khuyên bác sĩ thì anh Q không đồng ý nên dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn, ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Đặc biệt, thời gian gần đây anh Q có hành

vi hãm dọa bạo lực, đe dọa đến sức khỏe, tính mạng chị nên chị yêu cầu ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống.

*Về con chung:* Có 01 con chung tên Trần Thị Tâm Đ, sinh ngày 02/02/2007. Hiện tại, cháu Đ đang sống với chị T. Ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ. Không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Đã tự thỏa thuận giải quyết xong;

*Về nợ chung:* chị T xác định không có nợ chung.

*Bị đơn - anh Quách Văn Q vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án này, không gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với người khởi kiện.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình phát biểu ý kiến:*

*Việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ánh T đối với anh Quách Văn Q.

Về con chung: giao cháu Trần Thị Tâm Đ, sinh ngày 02/02/2007 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng;

Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: chị T phải chịu 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về pháp luật tố tụng:* nguyên đơn - chị Trần Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Quách Văn Q nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Quách Văn Q trú tại huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Quách Văn Q là bị đơn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ; đồng thời anh Q cũng không có yêu cầu phản tố. Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Trần Thị Ánh T và anh Quách Văn Q tự nguyện chung sống và đã đăng ký kết hôn vào ngày 29/10/2014 tại UBND xã Vĩnh B, huyện Hòa B, tỉnh BL nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q là hợp pháp.

[3] Yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016 đến nay nhưng các bên vẫn không có biện pháp gì

hàn gắn tình cảm, thực tế đã ly thân với nhau từ tháng 12/2020 đến nay (có lập giấy thỏa thuận ly thân và tự nguyện phân chia tài sản chung ngày 11/12/2020). Hơn nữa, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Q nhưng anh không đến tham dự và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, điều này cho thấy ý chí của anh Q không muốn hàn gắn mối quan hệ với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Q.

[4] *Về con chung*: Việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc. Từ lúc ly thân (tháng 12/2020) đến nay thì chị T trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Tâm Đ, sinh ngày 02/02/2007, cháu Đ có nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với chị T theo quy định khoảng 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Hơn nữa, anh Q vắng mặt và không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc tiếp tục nuôi cháu Trần Thị Tâm Đ, sinh ngày 02/02/2007 là có căn cứ. Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] *Về tài sản chung*: Đã tự thỏa thuận giải quyết xong;

[7] *Về nợ chung*: chị T xác định không có nợ chung;

[8] *Về án phí*: chị T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình là hoàn toàn có căn cứ, cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ánh T đối với anh Quách Văn Q.

2. Về con chung: giao cháu Trần Thị Tâm Đ, sinh ngày 02/02/2007 cho chị Trần Thị Ánh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Quách Văn Q có quyền và nghĩa vụ thăm con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: chị Trần Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng, chị T đã tạm dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010440

ngày 24/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hòa Bình
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình
- UBND xã Vĩnh Bình, huyện Hòa Bình
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**LŨ VĂN TUẤN**